

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG – TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Đình Nhân
2. Bà Huỳnh Ngọc Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 222/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Ngô Thanh Phi L**, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Tổ X, thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà **Phan Thị Thu L1**, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Tổ X, thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 4 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Ngô Thanh Phi L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phan Thị Thu L1 kết hôn vào tháng 12/1999,

có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại tổ X, thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên có quá nhiều sự khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống và quan điểm sống, bà L1 luôn sống kì thị chồng. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng đều không được. Hiện vợ chồng sống ly thân 01 năm nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phan Thị Thu L1.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Ngô Thanh S, sinh ngày 26/4/2001 (*đã thành niên*), Ngô Mạnh C, sinh ngày 13/7/2003 (*đã thành niên*) và Ngô Phan Xuân M, sinh ngày 08/02/2010. Hiện con Xuân M đang sống với mẹ. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Xuân M cho đến khi con thành niên, ông yêu cầu bà L1 cấp dưỡng nuôi con chung 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*)/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn bà L1 đã được Tòa án triệu tập và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, ông L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, ông yêu cầu ly hôn với bà L1 và giao con Ngô Phan Xuân M, sinh ngày 08/02/2010 cho bà L1 được quyền nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử là đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Thanh Phi L, cho ông Ngô Thanh Phi L được ly hôn với bà Phan Thị Thu L1.

Về con chung: Giao con chung tên Ngô Phan Xuân M, sinh ngày 08/02/2010 cho bà Phan Thị Thu L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có nên không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ông Ngô Thanh Phi L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn và yêu cầu nuôi dưỡng con chung đối với bà Phan Thị Thu L1. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn bà Phan Thị Thu L1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ X, thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, hiện nay bà L1 cư trú tại thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Ngô Thanh Phi L và bà Phan Thị Thu L1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 03/12/1999, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà L1 là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo ông L trình bày là do do hai bên có quá nhiều sự khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống và quan điểm sống, bà L1 luôn sống kì thị chồng. Nay ông L xác định vợ chồng không còn tình cảm nên ông yêu cầu được ly hôn với bà L1. Qua xác minh tại địa phương thì được biết vợ chồng ông L, bà L1 có mâu thuẫn và hiện ông L và bà L1 không còn sống chung. Bà L1 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa để trình bày ý kiến và tham gia phiên họp, phiên hòa giải thể hiện thái độ bỏ mặc, không có thiện chí mong muốn hòa giải để hàn gắn với ông L. Như vậy, có thể nhận thấy mâu thuẫn giữa ông L và bà L1 đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Ngô Thanh Phi L.

[4] Về con chung: Ông L và bà L1 có 03 con chung tên Ngô Thanh S, sinh ngày 26/4/2001, Ngô Mạnh C, sinh ngày 13/7/2003 và Ngô Phan Xuân M, sinh ngày 08/02/2010. Đối với con Thanh S và Mạnh C đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đối với con Xuân M có nguyện vọng ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn, trong thời gian ly thân con Xuân M ở với bà L1, tại phiên tòa ông L đồng ý giao con Xuân M cho bà L1 được quyền nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ Điều

81 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao con Ngô Phan Xuân M cho bà Phan Thị Thu L1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung ông L tự thực hiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Thanh Phi L về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” đối với bà Phan Thị Thu L1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Thanh Phi L được ly hôn với bà Phan Thị Thu L1.

2. Về con chung: Con chung Ngô Thanh S, sinh ngày 26/4/2001 và Ngô Mạnh C, sinh ngày 13/7/2003 (đã thành niên). Giao con chung tên Ngô Phan Xuân M, sinh ngày 08/02/2010 cho bà Phan Thị Thu L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến ngày con thành niên. Ông Ngô Thanh Phi L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc ông Ngô Thanh Phi L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ông L đã nộp theo biên lai thu số 0007487 ngày 09/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Ông Ngô Thanh Phi L đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (số 71 ngày 03/12/1999);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trần Thị Hằng